

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chuyển kế hoạch vốn năm 2022 nguồn ngân sách tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 211/TTr-SKHĐT ngày 19/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2022 của các dự án do không có khả năng giải ngân trong năm 2022, số tiền: 37.440.000.000 đồng (Ba mươi bảy tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng), như sau:

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2. Bổ sung kế hoạch vốn ngân sách tỉnh năm 2022 cho các dự án, với tổng số tiền: 37.440.000.000 đồng (Ba mươi bảy tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng), từ nguồn điều chỉnh giảm tại khoản 1, như sau:

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các chủ đầu tư có tên tại Phụ lục II căn cứ kế hoạch vốn điều chuyển để tập trung thực hiện đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn theo đúng thời hạn và thanh, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh chịu trách nhiệm giải quyết các hồ sơ, thủ tục để giải ngân và theo dõi, hướng dẫn, giám sát các đơn vị thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, chủ đầu tư có tên tại các Phụ lục I, II và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&CN, VH TT&DL, NN&PTNT, GTVT, LĐTB&XH, Y tế;
- Các PCVP;
- Lưu VT, TH, KTTH, KTN, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature in blue ink]
Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TỈNH, ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn bố trí đến nay		Kế hoạch năm 2022			Kế hoạch vốn điều chỉnh giảm	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh	Nguồn vốn
						Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Kế hoạch	Giải ngân đến nay	Kế hoạch vốn còn lại			
							Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
	TỔNG SỐ						1.048.000	504.000	362.300	206.564	193.564	65.100	16.215	48.885	37.440	27.660	
I	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ						40.000	40.000	38.000	9.200	9.200	9.200	602	8.598	8.040	1.160	
1	Phòng Phân tích và thử nghiệm chất lượng sản phẩm	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7958809	103	2022-2024	1486-31/5/22	40.000	40.000	38.000	9.200	9.200	9.200	602	8.598	8.040	1.160	Nguồn thu tiền sử dụng đất.
II	THỂ DỤC THỂ THAO						70.000	50.000	48.000	17.000	17.000	17.000	7.642	9.358	4.760	12.240	
1	Nâng cấp, cải tạo sân vận động Tam Kỳ và nhà ở cho vận động viên	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7939709	221	2022-2024	11-05/11/21	40.000	40.000	38.000	7.000	7.000	7.000	303	6.697	2.760	4.240	Nguồn thu tiền sử dụng đất.
2	Hỗ trợ cho các địa phương miền núi cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ tổ chức Hội thi Thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam và Lễ hội Văn hóa-Thể thao các huyện miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	UBND huyện Đông Giang					30.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	7.339	2.661	2.000	8.000	Nguồn thu tiền sử dụng đất.
III	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						938.000	414.000	276.300	180.364	167.364	38.900	7.971	30.929	24.640	14.260	
III.1	THỦY LỢI VÀ DỊCH VỤ THỦY LỢI						70.000	56.000	56.000	12.900	12.900	12.900	337	12.563	10.300	2.600	
1	Kè sông Trường (đoạn qua xã Phước Hòa và xã Phước Hiệp)	UBND huyện Phước Sơn	7949423	283	2022-2024	855-31/3/22	70.000	56.000	56.000	12.900	12.900	12.900	337	12.563	10.300	2.600	Nguồn thu tiền sử dụng đất.
III.2	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ						868.000	358.000	220.300	167.464	154.464	26.000	7.634	18.366	14.340	11.660	
1	Đường ĐH5.PS (đoạn Phước Công - Phước Lộc)	UBND huyện Phước Sơn	7912184	292	2021-2024	2254-09/8/21	90.000	90.000	86.000	18.000	18.000	13.000	6.932	6.068	7.600	5.400	Nguồn tiết kiệm chi.
2	Đường vành đai phía Bắc tỉnh Quảng Nam	UBND thị xã Điện Bàn	7896904	292	2022-2025	1312-16/5/22	498.000	100.000	80.000	5.000	4.000	4.000	260	3.740	3.740	260	Nguồn thu tiền sử dụng đất.
3	Đường tránh lũ kết hợp phát triển đô thị Nam Phước, kết nối TTHC huyện Duy Xuyên, Quốc lộ 1A và Quốc lộ 14H (tuyến ĐH20B theo quy hoạch)	UBND huyện Duy Xuyên	7760997	292	2019-2023	1620-31/5/19	280.000	168.000	54.300	144.464	132.464	9.000	442	8.558	3.000	6.000	Ngân sách tập trung

Phụ lục II

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TỈNH, BỔ SUNG BỔ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 2837/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Vốn đã bố trí đến nay		Kế hoạch năm 2022			Chủ đầu tư đề nghị	Phân bổ bổ sung kế hoạch năm 2022				
						Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch	Giải ngân đến nay	Kế hoạch vốn còn lại	Tổng số	Trong đó						
							Tổng số						Trong đó: Ngân sách tỉnh		Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn tiết kiệm chi, tăng thu		
	TỔNG SỐ						545.419	446.806	419.167	252.099	209.952	82.448	82.448	-	40.068	37.440,000	3.000	26.840,000	7.600
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ						106.134	60.467	45.667	71.499	54.352	5.700	5.700	-	2.800	2.800,000	-	2.800,000	-
1	Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông (giai đoạn 2)	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7487079	074	2017-2022	2811-05/9/19	100.759	57.692	43.067	70.799	53.652	5.000	5.000	-	2.000	2.000,000		2.000,000	
2	Trường THPT Trần Phú; hạng mục: Kè chắn đất kết hợp tường bảo vệ		7936961	074	2022-2024	202-17/12/21	5.375	2.775	2.600	700	700	700	700	700	-	800	800,000		800,000
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						13.685	13.685	800	9.800	9.800	-	-	-	268	267,808	-	267,808	-
1	Hệ thống xử lý nước sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải và mua sắm trang thiết bị y tế Phòng khám đa khoa Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc	Sở Y tế	7474440	139	2014-2018	1608-26/5/14	13.685	13.685	800	9.800	9.800			-	268	267,808		267,808	
III	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						425.600	372.654	372.700	170.800	145.800	76.748	76.748	-	37.000	34.372,192	3.000	23.772,192	7.600
III.1	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ						425.600	372.654	372.700	170.800	145.800	76.748	76.748	-	37.000	34.372,192	3.000	23.772,192	7.600
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT609; hạng mục: Cầu Hà Tân tại Km 37+800, xã Đại Lãnh	BQL dự án ĐTXD tỉnh	7347002	292	2021-2023	298-05/11/21	54.269	54.269	56.300	56.300	56.300	21.748	21.748	-	8.000	8.000,000		8.000,000	
2	Đường giao thông Trà Mai - Trà Vân - Trà Vinh (ĐH5.NTM)	UBND huyện Nam Trà My	7894427	292	2021-2024	1750-28/6/21	149.845	140.000	140.000	57.000	57.000	29.000	29.000	-	10.000	8.472,192	3.000	5.472,192	
3	Khôi phục, tái thiết tuyến ĐH1.PS (đoạn Phước Kim - Phước Thành)	UBND huyện Phước Sơn	7912265	292	2021-2024	2313-12/8/21	150.000	110.000	110.000	41.000	16.000	16.000	16.000	-	14.000	12.900,000		10.300,000	2.600
4	Cầu Xà Ka, xã Phước Công		7874866	292	2020-2023	3607-15/12/20	31.500	28.400	28.400	11.500	11.500	6.000	6.000	-	2.000	2.000,000			2.000
5	Cầu Đăk Mết, xã Phước Lộc		7906656	292	2021-2023	1865-06/7/21	39.985	39.985	38.000	5.000	5.000	4.000	4.000	-	3.000	3.000,000			3.000